

Bản án số: **07/2018/HS-ST**
Ngày 23-01-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ M, TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Cao Văn**

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà **Nguyễn Thị Ngọc**

- Ông **Nguyễn Văn Giang**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Dương Thị Thu Hà** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố M, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Trung Kiên** - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 23 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Quảng Ninh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 162/2017/HSST ngày 21/12/2017, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2018/QĐXX ngày 09/01/2018 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Lê Thị H - (tên gọi khác: không)

Sinh ngày 20 tháng 10 năm 1964, tại huyện T, tỉnh Thái Bình.

Nơi ĐKNKTT: Thôn B, xã Q, huyện K, tỉnh Thái Bình.

Chỗ ở: Khu 8, phường H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh.

Nghề nghiệp: Kinh doanh quán Karaoke; Trình độ văn hóa: 7/10

Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông: Lê Hữu T và bà: Nguyễn Thị K

Chồng: Phạm Xuân C và 03 con.

Tiền án: 01 tiền án: Ngày 10/3/2016 bị Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Quảng Ninh xử phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng kể từ ngày tuyên án, về tội “Chứa mại dâm”.

Tiền sự: Chưa

Bị cáo bị bắt khẩn cấp ngày 01/11/2017, hiện tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố M, tỉnh Quảng Ninh. Có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Phan Văn Đ - (tên gọi khác: không)

Sinh ngày 01 tháng 7 năm 1981, tại huyện T, tỉnh Thái Bình.

Nơi ĐKNKTT: Khu 3, phường H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh.

Chỗ ở: Khu 7, phường K, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh.

Nghề nghiệp: Xe ôm; Trình độ văn hóa: 5/12;

Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông: Phan Hồng Thái và bà: Tạ Thị Yển.

Vợ: Nguyễn Thị Liên và 02 con.

Tiền án, tiền sự: Chưa.

Bị cáo bị bắt khẩn cấp ngày 01/11/2017, tạm giữ đến ngày 07/11/2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*”. Có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1992.

Nơi ĐKKHKT: Thôn 10, xã H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

Người làm chứng:

1/Chị **Lê Thị T**. Vắng mặt.

2/Chị **Trần Thanh H**. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Thị H làm nghề kinh doanh quán hát Karaoke tại khu 8, phường H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh. Tại quán của H có 02 nhân viên là Lê Thị T và Trần Thanh H, H trao đổi với T và H sẽ môi giới cho T và H bán dâm cho khách, nếu có khách cần mua dâm thì H sẽ cho người đến đón T và H chở đến địa điểm bán dâm cho khách. Nếu khách mua dâm theo giờ (giá tàu nhanh) thì H sẽ thu của khách 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), còn qua đêm là 1.400.000đ (một triệu bốn trăm ngàn đồng), số tiền thu được sẽ chia đôi, cả ba đồng ý. Sau đó H gặp Phan Văn Đ làm nghề lái xe ôm và thỏa thuận với Đ có khách mua dâm thì sẽ liên hệ với H để H cử gái đi bán dâm, giá tàu nhanh cho mỗi người là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), giá qua đêm là 1.400.000đ (một triệu bốn trăm ngàn đồng), tiền lãi do môi giới mại dâm do Đ tự kênh giá với khách và được hưởng, Đ đồng ý.

Khoảng 20 giờ ngày 31/10/2017, Đ nhận được điện thoại của anh Nguyễn Văn T đặt vấn đề về việc muốn tìm gái để mua dâm qua đêm và hẹn đưa đến nhà nghỉ Hương Sen, thuộc khu 2, phường H, thành phố M. Đ thỏa thuận với anh T giá mua dâm qua đêm là 1.700.000đ (một triệu bảy trăm ngàn đồng), anh T đồng ý và hẹn khi nào đưa gái bán dâm đến thì trả tiền. Sau đó, Đ điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 17B1 - 607.53 đến quán của H nói có khách có nhu cầu mua dâm qua đêm, H bảo T đi cùng Đ để bán dâm cho khách. Ngay sau đó, Đ chở T đến nhà nghỉ Hương Sen để bán dâm và được Tuấn trả cho 1.700.000đ (một triệu bảy trăm ngàn đồng). Khoảng 10 phút sau, Tuấn tiếp tục liên lạc và yêu cầu Đ bố trí thêm một gái bán dâm khác đến nhà nghỉ Hương Sen, Đ đồng ý và quay về quán của H, H bảo H đi cùng Đ để bán dâm. Đến khoảng 21 giờ 45 phút cùng ngày, khi Đ chở H đến nhà nghỉ Hương Sen thì bị Tổ công tác Công an thành phố M phối hợp với Công an phường H kiểm tra hành chính, tiếp đó Tổ công tác tiếp tục kiểm tra

Phòng 102 Nhà nghỉ Hương Sen phát hiện anh Nguyễn Văn T và Lê Thị T đang có hành vi mua bán dâm.

Tại phiên tòa, bị cáo Lê Thị H có lời khai thể hiện: Do có thỏa thuận từ trước nên khoảng hơn 21 giờ 30 phút ngày 31/10/2017, khi Phan Văn Đ đến quán Karaoke của bị cáo nói có khách có nhu cầu mua dâm qua đêm nên bị cáo đã cử Lê Thị T đi cùng Đ đến địa điểm bán dâm. Đến hơn 21 giờ cùng ngày, Đ quay lại quán của bị cáo bảo cần thêm gái bán dâm nên bị cáo liền bảo H đi cùng. Vì quán đã hết người nên bị cáo đóng cửa quán, sau đó bị cáo được triệu tập đến Công an thành phố để làm việc, tại đây bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi vi phạm của mình.

Bị cáo Phan Văn Đ tại phiên tòa có lời khai cơ bản phù hợp với lời khai của bị cáo Lê Thị H, thể hiện: Bị cáo làm nghề lái xe mô tô chở khách. Khoảng thời điểm ngày 24-25/10/2017, Lê Thị H tới gặp bị cáo tại khu vực bị cáo đỗ xe chờ khách, H có đề nghị với bị cáo có khách mua dâm thì sẽ liên hệ với H để H cử gái đi bán dâm, giá tàu nhanh cho mỗi người là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), giá qua đêm là 1.400.000đ (một triệu bốn trăm ngàn đồng), tiền lãi do môi giới mại dâm do bị cáo tự kênh giá với khách và được hưởng, bị cáo đồng ý. Tối ngày 31/10/2017, nhận được điện thoại của một người đàn ông tên Tuấn trao đổi về việc cần gái bán dâm qua đêm, bị cáo có nói giá là 1.700.000đ, Tuấn đồng ý. Sau đó, bị cáo trực tiếp đến quán của H để H bố trí gái bán dâm để bị cáo chở đến cho Tuấn tại nhà nghỉ Hương Sen, H cử Lê Thị T đi cùng bị cáo. Khi đưa T đến thì Tuấn có đưa cho bị cáo đủ số tiền đã thỏa thuận. Khoảng 30 phút sau, Tuấn lại gọi bị cáo cần thêm gái bán dâm nhưng chưa thỏa thuận cụ thể thì Tuấn tắt máy, bị cáo đến chỗ H và được H đồng ý bảo Trần Thị H đi cùng, bị cáo chở đến trước cửa nhà nghỉ H Sen thì bị lực lượng Công an kiểm tra hành chính.

Những người tham gia tố tụng khác chị Lê Thị T, chị Trần Thị Huệ, anh Nguyễn Văn T vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời khai trong quá trình điều tra đều thể hiện phù hợp nhau về thời gian, địa điểm và nội dung vụ việc thể hiện Trần Thị T bán dâm cho Nguyễn Văn T.

Bản cáo trạng số 05/KSĐT ngày 19/12/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố M, tỉnh Quảng Ninh truy tố bị cáo Lê Thị H, Phan Văn Đ về tội “*Môi giới mại dâm*” quy định tại khoản 1 Điều 255 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội: Khoảng 21 giờ 45 phút, ngày 31/10/2017, tại Nhà nghỉ Hương Sen thuộc khu 2, phường H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh, Lê Thị H và Phan Văn Đ đã có hành vi dẫn dắt, môi giới cho Lê Thị T bán dâm cho Nguyễn Văn T để thu lời bất chính thì bị phát hiện bắt giữ. Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo. Đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ, nhân thân bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng: khoản 1 Điều 328; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Lê Thị H từ 12 đến 15 tháng tù, về tội “*Môi giới mại dâm*”.

Áp dụng: khoản 5 Điều 65; khoản 2 Điều 56; khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015: Tổng hợp với hình phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo của bản án số 27/2016/HSST ngày 10/3/2016 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Quảng Ninh buộc bị cáo Lê Thị H phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là từ 24 đến 27 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt : 01/11/2017, được trừ đi những ngày đã tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/12/2015 đến ngày 16/12/2015, về tội “Chứa mại dâm”.

Áp dụng: khoản 1 Điều 328; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1, 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Phan Văn Đ từ 09 đến 12 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng, kể từ ngày tuyên án, về tội “Môi giới mại dâm”.

Giao bị cáo cho UBND phường H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú trong thời gian thử thách thì phải thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

Áp dụng: khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự. Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 1.700.000đ và 01 điện thoại di động thu giữ của Phan Văn Đ. Trả lại cho bị cáo Phan Văn Đ số tiền 100.000đ và trả lại cho Nguyễn Văn T 01 điện thoại di động Masstel.

Các bị cáo không có nội dung tranh luận với bản luận tội của Đại diện Viện kiểm sát.

Trong lời nói sau cùng các bị cáo đều thể hiện đã rất ăn năn hối cải và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo hưởng mức án thấp nhất, bị cáo Đ xin được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố M, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố M, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự quy định. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, phù hợp lời khai của những người tham gia tố tụng khác về thời gian, địa điểm thực hiện hành vi phạm tội, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác sơ đồ hiện trường, bản ảnh hiện trường, vật chứng thu giữ tại hiện trường và các tài liệu chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án thể hiện: Khoảng 21 giờ 45 phút, ngày 31/10/2017, tại nhà nghỉ Hương Sen thuộc khu 2, phường H, thành phố M, tỉnh

Quảng Ninh, Lê Thị H và Phan Văn Đ đã có hành vi dẫn dắt, môi giới cho Lê Thị T bán dâm cho Nguyễn Văn T để kiếm lời thì bị phát hiện.

Xét thấy hành vi của các bị cáo đã đáp ứng các yếu tố cấu thành tội “Môi giới mại dâm” với tình tiết định khung theo quy định tại khoản 1 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 1999. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Lê Thị H và Phan Văn Đ phạm tội “*Môi giới mại dâm*” theo quy định tại khoản 1 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 1999.

[3] Xét về tính chất của vụ án và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân của các bị cáo Hội đồng xét xử thấy:

Hành vi phạm tội của các bị cáo trong vụ án này mang tính chất đồng phạm giản đơn, trong đó bị cáo Lê Thị H là người đặt vấn đề với Phan Văn Đ về việc khách có nhu cầu mua bán dâm thì liên lạc với H và H sẽ cử người nên bị cáo H giữ vai trò chính, bị cáo Đ là người môi giới tiếp nhận và đưa khách đi bán dâm nên giữ vai trò sau Hoa. Các bị cáo đều là những người có đầy đủ năng lực, nhận biết được việc làm của mình là trái pháp luật, các bị cáo vì vụ lợi nên đã thực hiện hành vi phạm tội, đối với các bị cáo Hội đồng xét xử thấy cần xử nghiêm trước pháp luật. Đối với Lê Thị H, ngày 10/3/2016 bị Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Quảng Ninh xử phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng kể từ ngày tuyên án, về tội “Chứa mại dâm” đang trong thời gian thử thách, lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp “tái phạm” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Đối với bị cáo Phan Văn Đ không có tình tiết tăng nặng.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội các bị cáo thấy được việc làm sai trái, thành khẩn khai báo, thể hiện thái độ ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Đối với bị cáo Lê Thị H, bố bị cáo được tặng thưởng huân huy chương kháng chiến hạng nhì và là thương binh $\frac{3}{4}$, Hội đồng xét xử thấy thuộc trường hợp quy định là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên cần xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

Tại khoản 1 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 1999 có khung hình phạt tù từ sáu tháng đến năm năm; khung hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 328 Bộ luật Hình sự năm 2015 có khung hình phạt tù từ sáu tháng đến ba năm. Hội đồng xét xử thấy quy định tại Bộ luật Hình sự năm 2015 có lợi cho các bị cáo nên căn cứ khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015 cần xem xét áp dụng khi quyết định hình phạt, nhưng dù có giảm nhẹ đến đâu cũng cần bắt bị cáo Lê Thị H cách ly khỏi xã hội một thời gian để cải tạo giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt. Đối với bị cáo Phan Văn Đ, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quá trình khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, có vai trò thứ yếu trong vụ án, thời gian sinh sống tại địa phương luôn chấp hành tốt các chính sách tại nơi cư trú, bản thân bị cáo là lao động chính trong gia đình có hoàn cảnh khó khăn nên đối chiếu Nghị quyết số 01/2013/NQ-HĐTP ngày 06/01/2013 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân

tối cao về hướng dẫn áp dụng về án treo Hội đồng xét xử thấy chưa cần thiết bắt bị cáo phải cách ly khỏi xã hội mà chỉ cần giao cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú giám sát và giáo dục cũng đủ điều kiện cải tạo bị cáo thành công dân tốt đồng thời thể hiện tính nhân đạo của pháp luật.

[4] Về xử lý vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố M thu giữ của Phan Văn Đ số tiền 1.800.000đ (một triệu tám trăm nghìn đồng), 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J5, loại máy cảm ứng (đã qua sử dụng) bên trong máy gắn 01 sim thuê bao Mobifone. Quá trình điều tra và tại phiên tòa làm rõ, số tiền 1.700.000đ là do Phan Văn Đ phạm tội mà có, chiếc điện thoại di động dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước. Trả lại bị cáo Đ 100.000đ số tiền không liên quan đến việc phạm tội.

Thu giữ của Nguyễn Văn T: 01 (Một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Mastel loại C105i, bên trong gắn 01, điện thoại cũ, qua sử dụng, vật chứng không không liên quan đến việc phạm tội trả lại Nguyễn Văn T.

Thu giữ tại hiện trường vụ án: 01 bao cao su đã qua sử dụng, 01 vỏ bao cao su đã qua sử dụng nhãn hiệu Luxury Number one; Thu giữ của Lê Thị T: 04 bao cao su chưa qua sử dụng nhãn hiệu Luxury Number one. Quá trình điều tra đã tiến hành tiêu hủy theo quy định của pháp luật.

Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, biển kiểm soát 17B1 - 607.53 thu giữ của Phan Văn Đ, quá trình điều tra xác minh làm rõ chủ đăng ký hợp pháp và không biết việc Đ sử dụng xe vào việc phạm tội nên Cơ quan CSĐT-Công an thành phố M đã trả lại. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xét.

[5] Xét những chứng cứ mà Kiểm sát viên dùng để chứng minh hành vi phạm tội của các bị cáo, đã được cơ quan Điều tra thu thập theo đúng thủ tục, trình tự mà Bộ luật Tố tụng Hình sự quy định và tại phiên tòa bị cáo thừa nhận có thực hiện hành vi như bản cáo trạng của Viện kiểm sát, nên lời buộc tội của Kiểm sát viên về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân, mức hình phạt, trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng đối với các bị cáo Lê Thị H và Phan Văn Đ là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về hình phạt bổ sung: Tại khoản 5 Điều 225 Bộ luật Hình năm 1999 sự tương ứng là khoản 4 Điều 328 Bộ luật Hình sự năm 2015 còn quy định hình phạt bổ sung là phạt tiền, xét các bị cáo đều không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định, hoàn cảnh khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương nên Hội đồng xét xử cần miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

Án phí sơ thẩm: Các bị cáo Lê Thị H và Phan Văn Đ, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Liên quan trong vụ án, ngoài hành vi môi giới, dẫn dắt cho Lê Thị T bán dâm cho Nguyễn Văn T, Lê Thị H, Phan Văn Đ còn có hành vi dẫn dắt, môi giới cho Trần Thanh H đến nhà nghỉ Hương Sen để bán dâm. Tuy nhiên, khi bị bắt giữ do H chưa thực hiện được việc bán dâm được cho khách nên không đủ cơ sở để xử lý đối với Lê Thị H và Phan Văn Đ theo tình tiết định khung “ Đối với nhiều

người” theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 1999 (tương ứng là điểm đ khoản 2 Điều 328 Bộ luật Hình sự năm 2015), nên Hội đồng xét xử không đề cập.

Đối với Nguyễn Văn T và Lê Thị T là những người có hành vi mua, bán dâm trong vụ án. Công an thành phố M đã ra Quyết định xử phạt hành chính nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo: Lê Thị H và Phan Văn Đ

Phạm tội: “*Môi giới mại dâm*”.

+ Áp dụng: Khoản 1 Điều 328; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Lê Thị H 15 (*mười lăm*) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt 01/11/2017.

Áp dụng: Khoản 2 Điều 56; khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự: Buộc bị cáo Lê Thị H phải chấp hành bản án hình sự sơ thẩm số 27/2016/HSST ngày 10/3/2016 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Quảng Ninh xử phạt Lê Thị H 12 (*mười hai*) tháng tù cho hưởng án treo về tội “*Chứa mại dâm*”.

Tổng hợp hình phạt: Buộc bị cáo Lê Thị H phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là 27 (*hai mươi bảy*) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt: ngày 01/11/2017, được trừ đi những ngày đã tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/12/2015 đến ngày 16/12/2015.

+ Áp dụng: Khoản 1 Điều 328; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58, khoản 1, 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự; khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án Hình sự.

Xử phạt: Phan Văn Đ 09 (*chín*) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (*mười tám*) tháng, kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Phan Văn Đ cho Ủy ban nhân dân phường H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách, gia đình người bị kết án có trách nhiệm cùng chính quyền địa phương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách; Trường hợp thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án Hình sự.

2. Về xử lý vật chứng.

Áp dụng: Điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 1, điểm a, đ khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước của Phan Văn Đ số tiền 1.700.000đ (một triệu bảy trăm nghìn đồng) và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy15, điện thoại cũ đã qua sử dụng, bên trong gắn 01 sim.

- Trả lại cho Phan Văn Đ: số tiền 100.000đ (một trăm nghìn đồng) nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Trả lại cho Nguyễn Văn T 01(Một) điện thoại di động nhãn hiệu Masstel loại C 105i , bên trong gắn 01 sim, điện thoại cũ qua sử dụng.

(Tình trạng vật chứng theo Biên bản giao nhận vật chứng số 38/2018/THA ngày 20/12/2017 giữa cơ quan CSĐT - Công an thành phố M với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M, tỉnh Quảng Ninh).

3. Về án phí. Áp dụng: khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Lê Thị H và Phan Văn Đ, mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo. Áp dụng: Điều 231 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Án xử công khai có mặt các bị cáo, vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án. Báo cho các bị cáo biết có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND thành phố M;
- Công an thành phố M;
- Bị cáo;
- Người có QLNVLQ;
- THAHS + THADS;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Cao Văn